UBND PHƯỜNG HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/BBTT-THTH

Hải Dương, ngày 01 tháng 10 năm 2026

BIÊN BẢN THỎA THUẬN
Về việc triển khai các khoản thu năm học 2026 - 2027

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Khoản 4 Điều 3; Điều 6 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị định 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 1422/BHXH-QLT&PTTNGT của Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng ngày 28/07/2026 về việc hướng dẫn thực hiện BHYT học sinh, sinh viên năm học 2026-2027; Công văn số 5327/SGDĐT-GDMN&GDTH của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng ngày 21/08/2026 về việc phối hợp tuyên truyền, triển khai chính sách bảo hiểm y tế học sinh năm học 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 77/2026/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục tiểu học năm học 2026-2027 của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, UBND phường Hải Dương;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng trường và Ban đại diện Cha mẹ học sinh về việc thống nhất các nội dung dịch vụ phục vụ học sinh;

Căn cứ Đơn tự nguyện đăng ký tham gia dịch vụ bán trú và các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa của Cha mẹ học sinh.

Hôm nay, ngày 01. tháng 10. năm 2026, tại Trường Tiểu học Tô Hiệu, chúng tôi gồm các thành viên tham gia thảo luận và ký kết biên bản thỏa thuận gồm:

I. CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA THỎA THUẬN

1. Đại diện Nhà trường:

- Bà: Đặng Thị Kim Thanh - Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Bà: Nguyễn Thị Mai Hoa - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Bà: Phạm Thị Hiền - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

2. Đại diện Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường:

- Ông: Nghiêm Đình Sơn - Chức vụ: Trưởng ban Ban đại diện CMHS trường.
- Cùng các Ông/Bà là Trưởng ban đại diện CMHS của các lớp thuộc trường tham gia *(Có danh sách đính kèm).*

II. NỘI DUNG THỎA THUẬN CÁC KHOẢN THU (NĂM HỌC 2026 - 2027)

Hai bên thống nhất mức thu, khoản thu năm học 2026-2027 trên nguyên tắc: Thu đủ bù chi, chi đúng mục đích, tiết kiệm, không thương mại hóa và đảm bảo không vượt quá mức trần tối đa của UBND thành phố Hải Phòng ban hành tại Quyết định số 77/2026/QĐ-UBND ngày 21/9/2026. Cụ thể như sau:

STT	Danh mục dịch vụ, khoản thu	Đơn vị tính	Mức thu thỏa thuận (VNĐ)	Ghi chú / Cách thức triển khai
I	**KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH**			
1	**Bảo hiểm y tế học sinh (Khoản thu bắt buộc, trừ các cháu đã có thẻ: con LLVT, hộ CN, hộ nghèo, HSKT)**			
1.1	Đối với học sinh lớp 1 mới vào trường (Thu 12 đến 15 tháng tuỳ vào tháng sinh của HS)	Học sinh/tháng	56.925đ	Thu theo năm qua Tài khoản ngân hàng
1.2	Đối với học sinh lớp 2, 3, 4,5 (Thu 12 tháng, hạn thẻ T1-T12/2027)	Học sinh/tháng	56.925đ	Thu theo năm qua Tài khoản ngân hàng
II	**CÁC KHOẢN THU THOẢ THUẬN**			
1	**Dịch vụ bán trú**			
1.1	Tiền ăn bán trú: bao gồm bữa ăn chính + bữa phụ đầu giờ chiều: **26.500đ**; công nhà bếp nấu, chia ăn, dọn rửa và tiền	Học sinh/ngày	32.000đ	Thu theo tháng qua tài khoản ngân hàng

	ga, chất đốt, nước tẩy rửa: **5.500đ** *(Đơn giá trên đã bao gồm thuế, phí và các khoản phải nộp nhà nước)*			
1.2	Tiền chăm sóc phục vụ (Chi trả công phục vụ chăm ăn, trông trưa, công tác quản lý và vệ sinh bán trú)	Học sinh/tháng	145.000đ	Thu theo tháng qua tài khoản ngân hàng
1.3	Tiền điện, nước phục vụ học sinh ăn, nghỉ bán trú buổi trưa tại trường	Học sinh/tháng	10.000đ	Thu theo tháng qua tài khoản ngân hàng
1.4	Trang thiết bị phục vụ bán trú (mua công cụ, dụng cụ, vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân phục vụ cho học sinh bán trú)	Học sinh/năm học	200.000đ (đối với HS lớp 1 mới) 60.000đ (đối với HS lớp 2, 3, 4, 5)	Thu theo năm học (đầu năm học) qua tài khoản ngân hàng
2	**Các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ khác**			
2.1	Nước uống tinh khiết cho học sinh	Học sinh/tháng	10.000đ	Thu theo học kỳ qua tài khoản ngân hàng
2.2	Tiền điện, bảo dưỡng điều hòa lớp học	Học sinh/tháng	20.000đ	Thu theo tháng qua tài khoản ngân hàng
2.3	Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh (bao gồm tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn)	Học sinh/tháng	28.000đ	Thu theo tháng qua tài khoản ngân hàng. *(Thực hiện thu từ tháng 10/2026)*
2.4	Dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động giáo dục dạy học 2 buổi/ngày	Học sinh/tháng	20.000đ	Thu theo học kỳ qua tài khoản ngân hàng
III	**CÁC KHOẢN THU TỰ NGUYỆN (Theo đăng ký tự nguyện của PHHS)**			
1	**Chương trình học các môn liên kết ngoài giờ học chính khoá (Tài liệu, giáo viên chuyên trách của Trung tâm, HS đăng ký sẽ được học vào 1 buổi trong tuần)**			
1.1	Học kỹ năng sống (phối hợp với	Học sinh/tiết	15.000đ	Nhà trường thu hộ

	Trung tâm GD Kỹ năng sống Skill Edu đã được cấp phép)	học		theo tháng qua tài khoản ngân hàng.
1.2	Học Tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài (phối hợp với Trung tâm Ngoại ngữ Hope đã được cấp phép)	Học sinh/tiết học	40.000đ	Nhà trường thu hộ theo tháng qua tài khoản ngân hàng.
1.3	Học Tiếng Anh tích hợp STEM Robotics (phối hợp với Trung tâm Ngoại ngữ Lumia được cấp phép)	Học sinh/tiết học	40.000đ	Nhà trường thu hộ theo tháng qua tài khoản ngân hàng.
2	Bảo hiểm thân thể học sinh	Học sinh/năm	200.000đ	Nhà trường giới thiệu công ty BH có uy tín cho PHHS có nhu cầu

III. CAM KẾT TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

1. Trách nhiệm của Nhà trường:

- Tổ chức triển khai, cung ứng dịch vụ bảo đảm đúng chất lượng, an toàn tuyệt đối cho học sinh (đặc biệt là công tác An toàn vệ sinh thực phẩm trong bán trú).
- Mở sổ sách kế toán, hạch toán riêng biệt từng khoản thu dịch vụ; phát hành hóa đơn, chứng từ đầy đủ khi thu tiền từ CMHS. Tuyệt đối không chi sai mục đích thỏa thuận.
- Thực hiện công khai quyết toán kinh phí theo từng học kỳ và cuối năm học cho Ban đại diện CMHS biết. Nếu phát sinh kết dư cuối năm, nhà trường có trách nhiệm hoàn trả lại cho phụ huynh học sinh hoặc chuyển nguồn sang năm sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của phụ huynh.

2. Trách nhiệm của Ban đại diện CMHS và Phụ huynh học sinh:

- Phối hợp giám sát quy trình cung ứng dịch vụ của nhà trường.
- Tuyên truyền, vận động phụ huynh học sinh thực hiện đóng nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thu đã thỏa thuận theo thông báo của nhà trường.
- Kịp thời phản ánh, đóng góp ý kiến xây dựng với Ban giám hiệu nhà trường khi có những vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Biên bản này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc năm học 2026-2027.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có sự thay đổi về chính sách của nhà nước hoặc các trường hợp bất khả kháng, hai bên sẽ tiến hành bàn bạc, thống nhất bằng phụ lục biên bản điều chỉnh.

- 100% các thành viên tham dự nhất trí các khoản thu, mức thu ở trên và tiếp tục triển khai về từng lớp trong buổi họp PHHS toàn trường.

TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN CMHS	HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*
	TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỆU
	HIỆU TRƯỞNG
	Đặng Thị Kim Thanh

DANH SÁCH BAN ĐẠI DIỆN PHỤ HUYNH HỌC SINH CÁC LỚP

Cho ý kiến triển khai các khoản thu và mức thu năm học 2026-2027

(Kèm theo Biên bản thoả thuận số 15/BBTT-THTH ngày 01/10/2026)

TT	Lớp	Họ tên PHHS	Đồng ý (đánh dấu x)	Không đồng ý (đánh dấu x)	Ký tên
1	1A	Trần Thị Thu Hằng	x		
2	1B	Đỗ Thị Huệ	x		
3	1C	Lưu Ngọc Mai	x		
4	1D	Phạm Tuấn Hưng	x		
5	1E	Phạm Mạnh Cường	x		
6	1G	Phạm Thị Thuần	x		
7	1H	Trần Thị Thu Hiền	x		
8	2A	Đặng Phương Dung	x		
9	2B	Đinh Phương Anh	x		
10	2C	Nguyễn Hạnh Ngân	x		
11	2D	Đỗ Thị Phương Anh	x		
12	2E	Đinh Thị Huyền Trang	x		
13	2G	Nguyễn Mai Phương	x		
14	2H	Phạm Văn Tình	x		
15	3A	Phạm Phương Hoa	x		
16	3B	Vũ Thị Hồng Vân	x		
17	3C	Đồng Thị Minh Huyền	x		
18	3D	Nguyễn Xuân Hoài	x		
19	3E	Vũ Thị Nga	x		
20	3G	Lê Thu Kiều Trang	x		
21	4A	Trương Hải Hà	x		
22	4B	Nguyễn Thị Thu Hường	x		
23	4C	Đỗ Thị Luyến	x		
24	4D	Trần Đức Quân	x		
25	4E	Nguyễn Thị Hoa	x		
26	4G	Phạm Thanh Hoàn	x		
27	4H	Đồng Thị Minh Huyền	x		
28	5A	Nguyễn Thị Như	x		
29	5B	Phạm Thanh Huyền	x		
30	5C	Nguyễn Công Hoan	x		
31	5D	Tạ Thị Hằng	x		
32	5E	Lưu Thu Huyền	x		
33	5G	Lê Thị Trà My	x		